TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 9 - 2021
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU - TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình và bà Nguyễn Thị Yên.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Bình Phương, Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa*:** Ông Sa Văn Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2021/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc Xin ly hôn , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T - Sinh 1991. Địa chỉ: Bản X, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Mùi Văn H - Sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản X, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Mùi Văn H kết hôn với nhau ngày 22/4/2010. Khi kết hôn anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn hai anh chị ra ở riêng. Cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách quan điểm sống

không hợp nhau, anh H thường xuyên say rượu. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mùi Văn H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có có 02 con chung là các cháu Mùi V, sinh ngày 06/02/2008 và cháu Mùi Thế M, sinh ngày 16/01/2016. Trường hợp ly hôn, nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu Mùi Thế M đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh H đóng tiền cấp dưỡng nuôi con, giao cháu Mùi V cho anh H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị không có vay nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2021 bị đơn anh Mùi Văn H trình bày như sau:

Anh hoàn toàn nhất trí với phần trình bày của chị Bùi Thị T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách quan điểm sống không hợp nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là các cháu Mùi V, sinh ngày 06/02/2008 và cháu Mùi Thế M, sinh ngày 16/01/2016. Trường hợp ly hôn, nguyện vọng của anh xin được nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi trưởng thành và yêu cầu chị T có trách nhiệm đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Mùi Thế M mỗi tháng là 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị không có vay nợ chung.

Tại các buổi hòa giải ngày 09/7/2021 và ngày 15/7/2021, anh H và chị T không thỏa thuận thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương nơi anh H, chị T sinh sống được biết. Quá trình chung sống vợ chồng chị Bùi Thị T và anh Mùi Văn H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi làm xa, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị cũng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả, hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai chăm lo đến cuộc sống chung của gia đình.

Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là các cháu Mùi V và Mùi Thế M, từ khi chị T đi làm xa thì các cháu vẫn sinh sống cùng anh H và do anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh H và chị T không có tài sản chung, vay nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 11/8/2021 và tại phiên tòa bị đơn anh Mùi Văn H xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T đi làm xa không quan tâm đến gia đình, nay chị T có đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh cũng nhất trí ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83; khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T về việc Xin ly hôn với anh Mùi Văn H. Xử cho chị Bùi Thị T và anh Mùi Văn H ly hôn.

2. Về con chung: Giao các cháu Mùi V, sinh ngày 06/02/2008 và Mùi Thế M, sinh ngày 16/01/2016 cho anh Mùi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp

dưỡng nuôi con chung cho cháu Mùi Thế M mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định quan hệ pháp luật là Xin ly hôn giữa nguyên đơn chị Bùi Thị T với bị đơn là anh Mùi Văn H, cư trú tại: Bản X, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Mùi Văn H có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2010 tại UBND xã P, huyện M. Việc kết hôn của hai anh chị là tự nguyện và tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp và do chị T đi làm ăn xa dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mâu thuẫn của hai anh chị đã được hòa giải nhưng không thành, hai anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai chăm lo đến cuộc sống chung của gia đình nữa. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị T và xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Mùi Văn H.

[4] Về con chung: Có hai cháu Mùi V, sinh ngày 06/02/2008 và Mùi Thế M, sinh ngày 16/01/2016.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 10/8/2021, cháu Mùi V, sinh ngày 06/02/2008 có nguyện vọng xin được ở với anh Mùi Văn H.

Đối với cháu Mùi Thế M, sinh ngày 16/01/2016, quá trình giải quyết vụ án chị T và anh H đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, anh H yêu cầu chị T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho cháu Mùi Thế M mỗi tháng là 1.000.000đ.

Tại đơn đề nghị ngày 29/8/2021, chị T có ý kiến, hiện nay do điều kiện công việc chị đi làm xa chưa ổn định về chỗ ở nên chị nhất trí giao cả hai cháu là Mùi V và Mùi Thế M cho anh Mùi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng và nhất trí đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho cháu Mùi Thế M mỗi tháng là 1.000.000đ.

Xét thấy, từ khi chị T đi làm xa đến nay các cháu Mùi V và Mùi Thế M đều do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo môi trường sống ổn định của các cháu cũng như ý kiến của chị T, anh H, xét thấy cần giao hai cháu Mùi V, sinh ngày 06/02/2008 và Mùi Thế M, sinh ngày 16/01/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chị T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho cháu Mùi Thế M mỗi tháng là 1.000.000đ đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh H và chị T đều xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83; khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T về việc Xin ly hôn với anh Mùi Văn H. Xử cho chị Bùi Thị T và anh Mùi Văn H ly hôn.

2. Về con chung: Giao các cháu Mùi V, sinh ngày 06/02/2008 và Mùi Thế M, sinh ngày 16/01/2016 cho anh Mùi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Mùi Thế M mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi. Thi hành từ ngày 06/9/2021.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng định kỳ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Tú đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002312 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Chị Bùi Thị T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Đương sự;
- UBND xã P, huyện M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Hương